

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST**

**Ngày 16/7/2021**

**V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình*”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.**

**Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Khắc Thái.**

**- Ông Nguyễn Văn Phiếu.**

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa  
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.**

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên  
tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.**

Ngày 16/7/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/02/2021 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 28/5/2021; Q định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐ-HPT ngày 25/6/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa:

***Nguyên đơn:*** Chị Quách Thị Lan A, sinh năm 2000.

***Địa chỉ:*** Thôn H, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***Nghề nghiệp:*** Công nhân.

***Bị đơn:*** Anh Mai Tuấn A, sinh năm 1995.

***Địa chỉ:*** Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***Nghề nghiệp:*** Lao động tự do.

**Chị A có đơn đề nghị xử vắng mặt. Anh A - vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện ngày 2/2/2021, bản tự khai ngày 02/4/2021 và đề nghị xử vắng mặt ngày 27/5/2021 chị Lan A trình bày:***

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Mai Tuấn A đăng ký kết hôn ngày 01/02/2019 tại UBND xã T, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng mẹ anh Tuấn A ở thôn Đ, xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều mặt trong cuộc sống, nhiều vấn đề không tìm được tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc. Đến tháng 5/2019 thì chị đã bỏ về quê mẹ ở xã L ở và sống ly thân với anh Tuấn A, từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải Q cho chị ly hôn anh Tuấn A. .

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Mai Bảo N, sinh ngày 03/3/2018 (hiện ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân), chị đề nghị khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị là công nhân có thu nhập 7.000.000đ/tháng .

3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Chị Lan A không yêu cầu giải Q.

***Đối với anh Tuấn A:*** Năm 2020 chị Lan A đã làm đơn xin ly hôn anh Tuấn A, vì thời điểm đó anh đi làm ăn xa không rõ địa chỉ nên chị Lan A đã đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án. Đến tết âm lịch 2021 (khoảng tháng 02/2021) khi anh Tuấn A về nhà ăn tết (trước đó anh Tuấn A đã phải thực hiện cách ly vì dịch Covid tại tỉnh Lạng Sơn) và tiếp tục tự thực hiện việc cách ly tại nhà 14 ngày (anh Tuấn A là đối tượng phải tự cách ly tại nhà thôn Đ, xã T). Chị Lan A đã làm thủ tục yêu cầu ly hôn với anh Tuấn A và đã thông báo cho anh Tuấn A biết việc chị Lan A ly hôn. Sau khi anh Tuấn A cách ly xong, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập anh Tuấn A đến làm việc nhưng anh Tuấn A không lên làm việc với Tòa án. Sau đó Tòa án tiếp tục gửi thông báo về phiên hòa giải cho anh Tuấn A để anh Tuấn A thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình nhưng anh Tuấn A đều không đến Tòa án làm việc.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T đã xác định sau khi nhận được các văn bản của Tòa án gửi, ông Phạm Anh Q - Trưởng thôn Đ, xã T đã đến nhà và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh Tuấn A, nhưng không gặp anh Tuấn A. Ông đã gọi điện cho mẹ để anh Tuấn A để thông báo, mẹ anh Tuấn A là bà L có nghe máy và xác nhận Tuấn A có biết việc ly hôn của chị Lan A và đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, nhưng vì lý do công việc và dịch Covid nên không đến Tòa án làm việc được. Bà

L cũng xác nhận anh Tuấn A nhất trí ly hôn với chị Lan A và nhất trí để chị Lan A nuôi con.

***Tại Phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

*Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử của Thẩm phán và Thư ký:* Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:* Áp dụng các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Lan A và anh Mai Tuấn A. Xử lý hôn giữa chị Quách Thị Lan A và anh Mai Tuấn A.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là Mai Bảo N, sinh ngày 03/3/2018 hiện đang ở với chị Lan A cho chị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lan A.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Lan A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền 300.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Lan A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển sang án phí.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Lan A và anh Tuấn A. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*1. Về thủ tục tố tụng:* Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Lan A. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố

tụng cho các đương sự. Chị Lan A đã chấp hành đầy đủ. Anh Tuấn A không chấp hành. Đến ngày 28/5/2021 Tòa án ra Q định đưa vụ án ra xét xử.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị Quách Thị Lan A và anh Mai Tuấn A kết hôn với nhau vào ngày 01/2/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ hạnh phúc với nhau một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với anh Tuấn A, anh đã biết việc ly hôn của chị Lan A và yêu cầu khởi kiện của chị Lan A nhưng anh không đến Tòa để hòa giải với chị Lan A là căn cứ xác định tình cảm vợ chồng của anh và chị Lan A không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan A. Xử lý hôn giữa chị Lan A và anh Tuấn A là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng chị Lan A và anh Tuấn A có 01 con chung là Mai Bảo N, sinh ngày 03/3/2018 hiện đang ở với chị Lan A. Xét thực tế các điều kiện về việc nuôi con hiện tại của chị Lan A và anh Tuấn A, cần giao con chung cho chị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trừ trường hợp có thay đổi khác) là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con xét điều kiện khả năng nuôi con của chị Lan Anh, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lan A, vì vậy anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lan A.

4. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Lan A không yêu cầu Tòa giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Lan A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp ngày 03/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên.

## **Q ĐỊNH**

*Áp dụng*: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Lan A. Xử lý hôn giữa chị Quách Thị Lan A và anh Mai Tuấn A.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Mai Bảo N, sinh ngày 03/3/2018 hiện đang ở với chị Lan A cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trừ trường hợp có thay đổi khác). Anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lan A.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó*

4. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không giải quyết.

5. *Về án phí ly hôn:* Chị Lan A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Lan Anh đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2019/ 0000209 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Quách Thị Lan A và anh Mai Tuấn A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã T.
- Đương sự
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(đã ký)*

**Hà Minh Lực**